

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH GIA LAI

Bản án số: 31/2021/HS - PT

Ngày 10 – 8 – 2021

HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Ông Đỗ Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2021/TLPT - HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Từ Văn B, Trương Sơn Ndo có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2021/HS - ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Từ Văn B (Tên gọi khác: B Đיע); sinh năm 1989 tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai;Chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Văn L và bà Lê Thị Q; bị cáo có vợ tên Hà Thị T và có 01 người con sinh năm 2015.

Tiền án: 03 tiền án:

- Tại Bản án số 33/2006/HSPT ngày 22/5/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án 05 năm tù về tội: “*Cướp tài sản*” (theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999), đến ngày 20/12/2009, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án số 56/2012/HSST ngày 21/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai kết án 42 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), đến ngày 28/01/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án số 133/2015/HSST ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai kết án 05 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo các điểm c, e

khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), đến ngày 21/11/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án trên, Từ Văn B đều chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2020 đến ngày 23/9/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Trương Sơn N(Tên gọi khác: Đông Em); sinh ngày 1984 tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Làng Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S(đã chết) và bà Nguyễn Thị X; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị M và có 01 người con, sinh năm 2016; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 82/HSST ngày 13/7/2004 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án 1.032/HSPT ngày 21/12/2004, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt Trương Sơn N 11 năm tù về các tội: “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” (theo điểm d khoản 2 Điều 133 và điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999); chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an đến ngày 28/3/2014, chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo Trương Sơn N bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05 đến ngày 14/9/2020, Từ Văn B thực hiện 04 vụ trộm cắp và cùng Trương Sơn N thực hiện 01 vụ trộm cắp tại thành phố P, huyện Ia G và huyện Chư P, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 05/9/2020, Từ Văn B đã lén lút dùng dụng cụ phá khóa mang theo sẵn mở khóa điện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81X1-054.15 của anh R, đang dựng bên đường tại khu vực làng Jêk, thuộc xã Ia S, huyện Ia G, sau khi chiếm đoạt được xe, B điều khiển xe đến tháo biển số 81X1-054.15 vứt bỏ và mua biển số xe mô tô có số 81G1-178.76 của một đối tượng nam T2 niên (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) rồi gắn vào xe mô tô trộm cắp và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 14/9/2020, sau khi B bị phát hiện, Cơ quan điều tra đã thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu vàng–đen chiếm đoạt của anh R, được gắn biển số 81G1-178.76. Quá trình điều tra, do B không xác định được vị trí đã vứt biển số xe 81X1-054.15, nên Cơ quan điều tra

không thu giữ được. Theo kết luận định giá, xe mô tô B trộm của anh R có giá trị 7.200.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 07/9/2020, Từ Văn B trộm cắp xe mô tô Sirius, biển số 81B1-006.22 của chị Võ Thị T1, khi đang dựng trong nhà xe của Trung tâm y tế thành phố P Theo kết luận định giá, chiếc xe mô tô mà B chiếm đoạt của chị Võ Thị T1 có giá trị 5.300.000đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 12/9/2020, Từ Văn B trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ-đen, biển số 81B1-441.38 của anh Phạm D đang dựng trong sân nhà số nhà số 339 đường Trường C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo kết quả định giá, chiếc xe mô tô mà B chiếm đoạt của anh D có giá trị 8.000.000đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/9/2020, Từ Văn B cùng với Trương Sơn N đã trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh-trắng, biển số 92B1-111.47 của anh Tôn Thất Thiện khi đang dựng trong nhà dân tại thôn 8, xã N, huyện Chư P, B phát hiện trong sân nhà dân, sau khi trộm được xe thì Nam điều khiển xe mô tô này về phòng của Nam cất giấu. Cùng ngày, khi hành vi của B bị phát hiện, Nam đã giao nộp xe này cho cơ quan điều tra. Qua định giá, xe mô tô mà B và Nam trộm cắp có giá trị là 12.500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 14 giờ ngày 14/9/2020, sau khi cùng với Trương Sơn N trộm cắp xe mô tô ở xã N, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai (vụ thứ tư), Từ Văn B điều khiển xe đi về Pleiku. Khi đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị Thu T2 (ở số 278 đường Phạm Ngọc Thạch, tổ 5, phường Yên T, Pleiku), B phát hiện cổng nhà không khóa, cửa chỉ khép hờ và không có người trông coi. B vào trong trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã bị gãy 1/3 ốp lưng, rồi đi ra. Vừa lúc này, chị T2 và người nhà phát hiện, bắt giữ và trình báo Công an phường Yên T, thành phố P.

Qua định giá, xác định điện thoại di động hiệu Nokia model 105 mà B chiếm đoạt của chị T2 có giá trị 100.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT – VKS ngày 09/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Từ Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Trương Sơn N về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2021/HS - ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Từ Văn B, Trương Sơn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Từ Văn B: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/9/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Sơn N01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo Trương Sơn N được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2021, bị cáo Trương Sơn N kháng cáo và ngày 11/6/2021 bị cáo Từ Văn B kháng cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

-Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Từ Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Sơn N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của Từ Văn B, thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, xử phạt bị cáo Từ Văn B 06 (sáu) năm tù là phù hợp, thoả đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trương Sơn N thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 1

năm 6 tháng tù là đúng pháp luật; Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp 772.666 đồng để thi hành phần liên đới nghĩa vụ sung quỹ nhà nước của Bản án số 82/HSST ngày 13/7/2004 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, theo Biên lai số 0003177 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, người bị hại là chị Hồ Thị Hồng Nga có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo cung cấp văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con nhỏ, mẹ già, có 2 người anh bị tâm thần, xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm cho bị cáo 3 tháng tù là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Từ

Văn B; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Sơn Nam, giảm cho bị cáo 3 tháng tù.

-Ý kiến của bị cáo Từ Văn B, Trương Phương Nam: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Từ Văn B, Trương Sơn N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của những người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án: Đủ cơ sở khẳng định, trong khoảng thời gian từ ngày 05/9/2020 đến ngày 14/9/2020, Từ Văn B đã thực hiện 5 vụ trộm cắp tài sản với giá trị 33.100.000đồng, trong đó có 1 vụ ngày 14/9/2021, Từ Văn B cùng với Trương Sơn N trộm cắp chiếc xe mô tô giá trị 12.500.000đồng. Bị cáo Từ Văn B không có nghề nghiệp, thực hiện liên tiếp 5 vụ trộm cắp tài sản, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, bị cáo có 03 tiền án, đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Từ Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Trương Sơn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Từ Văn B, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Từ Văn B 06 (sáu) năm tù là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đảm bảo răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trương Sơn N, thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp xong phần dân sự của bản án trước, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ là tài liệu có xác nhận của địa phương về việc bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 2 anh trai bị bệnh tâm thần, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, chưa được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo Từ Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Trương Sơn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Từ Văn B; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Sơn N, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Sơn N.

- Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Từ Văn B: 06 (sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Sơn N 01 (một) năm 03(ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Trương Sơn N được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

[2]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Từ Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND, VKSND, CA Tp Pleiku;
- Chi cục THA DS Tp Pleiku;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Bình

